

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LỤC  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/8/2020  
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thật và ông Lê Văn Hưởng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/6/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn đội 3, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Xuân Th vào ngày 01/12/2015, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian này công việc buôn bán, chăn nuôi lợn bị thua lỗ nặng nề do dịch bệnh và giá cả bấp bênh dẫn đến kinh tế vợ chồng ngày càng khó khăn; nhất là khi chị sinh non

hai con, các cháu phải nằm viện nhi Trung ương điều trị dài ngày rất tốn kém. Nên anh, chị đã không thống nhất để cùng nhau khắc phục khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc. Mặt khác anh, chị còn bất đồng trong cách chăm sóc con; bản thân chị luôn muốn các con được chăm sóc một cách tốt nhất nhưng anh Th gạt đi không đồng ý vì cho rằng kinh tế khó khăn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 10/2018, chị đã cho hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn đội 3, xã H ở; anh Th không đến tìm và chị cũng không về chung sống cùng anh Th nữa. Cũng từ thời gian này đến nay anh, chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng chị với anh Th là không còn; đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân Th trình bày:

Anh xác nhận thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế vợ chồng khó khăn; nhất là khi chị H sinh non hai con các cháu phải nằm viện nhi Trung ương điều trị dài ngày vô cùng tốn kém. Nhưng chị H lại không thông cảm mà luôn đổ lỗi cho rằng anh không biết tính toán làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt; vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 10/2018 và chị H đã cho hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn đội 3, xã H ở; anh không đuổi nên cũng không đến tìm và chị H cũng không về chung sống cùng anh nữa. Cũng từ thời gian này đến nay anh và chị H sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H là không còn; chị H xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Chị H, anh Th đều xác định có 02 con chung sinh đôi là cháu Nguyễn Đức Nh, sinh ngày 19/7/2017 và cháu Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 19/7/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các cháu vẫn ở với chị H; hiện tại các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Song anh, chị không thỏa thuận được việc nuôi dưỡng con chung. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giao cả hai cháu Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh Nh cho chị tiếp tục nuôi dưỡng với lý do các cháu còn nhỏ vừa mới đủ 36 tháng tuổi; hai cháu lại sinh đôi và sinh non, từ khi sinh ra các cháu lớn lên, chơi đùa cùng nhau; nếu tách ra sẽ rất tội nghiệp cho các cháu. Bên cạnh đó hiện nay chị đang làm nghề may tự do thu nhập mỗi tháng khoảng từ 6 đến 7 triệu đồng, lại có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc chăm sóc hai con. Vì thế chị tha thiết mong muốn được nuôi cả hai cháu đến khi trưởng thành. Chị yêu cầu anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi cháu cho chị là 1.000.000đ/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, việc đóng góp được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh Th

đề nghị ly hôn được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Nh, đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Anh Nh cho chị H nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay anh đang làm nghề thợ xây, thu nhập không xác định được, nhưng anh sẽ cố gắng nuôi dạy cháu Đức Nh thật tốt.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H, anh Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H, anh Th đều xác định chị H có 1,2 sào ruộng cây tiêu chuẩn tại thôn đội 3, xã H. Còn anh Th có 02 sào ruộng cây tiêu chuẩn tại thôn 2 xã B; các cháu Anh Nh và Đức Nh không có ruộng cây tiêu chuẩn. Ly hôn anh, chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Tại phiên tòa, chị H, anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Xuân Th. Về nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Đức Nh và cháu Nguyễn Anh Nh đều sinh ngày 19/7/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Th, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Xuân Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/12/2015 (Số 42, Quyển số 01/2015), nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 10/2018 và chị H đã đưa hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống; anh Th không đến tìm và chị H cũng không về chung sống cùng anh Th nữa. Cũng từ thời gian này đến nay anh, chị sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn và bất đồng trong cách chăm sóc các con.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh Th xảy ra đã lâu, đời sống chung của vợ chồng thực tế đã chấm dứt từ tháng 10/2018, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều mong muốn được ly hôn. Xét khả năng vợ chồng chị H, anh Th đoàn tụ là không còn; việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H, anh Th đều xác định có hai con chung cháu Nguyễn Đức Nh, sinh ngày 19/7/2017; cháu Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 19/7/2017. Ly hôn chị H có đề nghị được nuôi cả hai cháu Nguyễn Đức Nh và Nguyễn Anh Nh; anh Th đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Đức Nh.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi vợ chồng anh, chị sống ly thân đến nay các cháu vẫn ở ổn định với chị H; hiện tại các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Th không chu cấp tiền cho chị H nuôi các cháu tuy nhiên anh Th xác định thỉnh thoảng anh có đến thăm và cho quà các cháu nhưng chị H từ chối không nhận, vấn đề này chị H xác nhận là đúng nên chị H cần phải rút kinh nghiệm.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã B nơi anh Th cư trú và xã H nơi chị H cư trú thì chính quyền địa phương các xã xác định từ khi chị H cho các con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn đội 3, xã H ở thì các cháu được chăm sóc với điều kiện đầy đủ nên cả hai cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học mẫu giáo tại Trường mầm non xã H. Còn anh Th về điều kiện hoàn cảnh kinh tế là khó khăn, hiện nay anh đang sống cùng với mẹ già, công việc và thu nhập không ổn định. Nhằm bảo đảm các điều kiện tốt nhất cho các cháu nhỏ không bị thay đổi môi trường và xáo trộn cuộc sống, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng được nuôi hai cháu của chị H.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn Th là bố đẻ chị H, ông Th xác định từ khi chị H cho các con về nhà ông ở, ông bà đã phụ giúp cho chị H trong việc chăm sóc các cháu. Nên cả hai cháu hiện nay đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ông đề nghị Tòa án giao hai cháu Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh Nh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, xét thấy hiện nay hai cháu Đức Nh, Anh Nh vừa mới đủ 36 tháng tuổi, các cháu còn nhỏ, lại sinh đôi và sinh non nên rất cần sự quan tâm chăm sóc tỉ mỉ, chu đáo của người mẹ. Nếu tách các cháu ra sẽ có ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Mặt khác chị H đang là người trực tiếp chăm sóc, hiểu được tâm sinh lý của các cháu. Hiện tại chị H có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ và đang làm may tự do có thu nhập mỗi tháng khoảng từ 6 đến 7 triệu đồng, lại có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc chăm sóc hai con, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi hai cháu Đức Nh và Anh Nh. Còn anh Th, về hoàn cảnh điều kiện kinh tế khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định nên không bảo đảm các điều kiện để nuôi cháu Đức Nh. Đối với việc chị H yêu cầu anh Th có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng mỗi cháu cho chị là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn chính đáng, bởi lẽ chính quyền địa phương xác định chi phí bình quân để nuôi một cháu ăn, học tại địa phương là khoảng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ/ tháng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H, giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Đức Nh và Nguyễn Anh Nh; buộc anh Th có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi mỗi cháu cùng chị H là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu Đức Nh, Anh Nh đủ 18 tuổi, việc đóng góp được thực hiện hàng tháng.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh Th đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 110,

116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Xuân Th.**

**2. Về con chung:** Chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu Nguyễn Đức Nh, sinh ngày 19/7/2017 và cháu Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 19/7/2017 cho chị H tiếp tục được quyền nuôi dưỡng. Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu cùng chị H là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi hai cháu Đức Nh, Anh Nh đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu Nguyễn Đức Nh và cháu Nguyễn Anh Nh.

**3. Về án phí:**

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002609 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam (chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Xuân Th phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H, anh Th biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện*

*thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- UBND xã H, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

